

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG**

Quý II Năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	90.024.820.886	20.253.305.000	150.394.150.190	47.996.353.095
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	90.024.820.886	20.253.305.000	150.394.150.190	47.996.353.095
4. Giá vốn hàng bán	11	20	65.899.150.837	20.194.790.996	102.845.596.631	45.057.522.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.125.670.049	58.514.004	47.548.553.559	2.938.830.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	18.142.742.045	4.792.918.698	19.979.741.924	8.510.031.223
7. Chi phí tài chính	22	22	152.246.363	130.601.232	281.691.861	23.686.912
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		152.246.363	130.601.232	281.691.861	23.686.912
8. Chi phí bán hàng	25	23a	102.046.287		102.046.287	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23b	1.500.969.087	1.596.339.791	2.789.363.975	2.886.452.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.513.150.357	3.124.491.679	64.355.193.360	8.538.722.102
11. Thu nhập khác	31		-		-	
12. Chi phí khác	32	24	1.576.450		22.576.450	
13. Lợi nhuận khác	40		(1.576.450)	-	(22.576.450)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.511.573.907	3.124.491.679	64.332.616.910	8.538.722.102
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	8.933.086.032	715.230.819	13.972.765.841	1.934.204.163
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	400,27
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		31.578.487.875	2.409.260.860	50.359.851.069	6.604.517.539

Phạm Thị Thanh Mai  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2015

Trần Xuân Đại Thăng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc Long  
Tổng Giám đốc

giá trị thanh lý hợp đồng (bên A cam kết giá trị xây dựng này được tính theo đơn giá nhà nước tại thời điểm thực hiện việc xây thô và hoàn thiện mặt ngoài công trình).

## **2. Giá trị hợp đồng trên chưa bao gồm:**

- Lệ phí trước bạ và các chi phí theo quy định của Nhà nước khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Khi nhà nước thay đổi mức thuế suất thuế giá trị gia tăng thì mức thuế giá trị gia tăng trong Hợp đồng này thay đổi theo đúng quy định của nhà nước.
- Giá trị hoàn thiện mặt trong và sân vườn ngôi nhà.
- Thuế giá trị gia tăng phần xây dựng hạ tầng và phần xây thô: 10%.

## **3. Giá trị chính thức của hợp đồng:**

- Giá trị chính thức của hợp đồng và giá trị thanh lý hợp đồng được tính trên cơ sở diện tích đất thực tế bàn giao cùng giá trị xây dựng công trình.

## **Điều 4: Thanh toán:**

### **1. Thời hạn thực hiện thanh toán:**

**Đợt 1:** Đồng thời với việc hai bên ký kết Hợp đồng, Bên B thanh toán trước cho Bên A 30% số tiền tại khoản 1 mục 1.1 Điều 3 của Hợp đồng này. Tương ứng với số tiền là: **929.250.000 đồng** (Chín trăm hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

**Đợt 2:** Sau thời hạn 01 tháng tính từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng lô đất cho Bên B bằng văn bản, Bên B có trách nhiệm thanh toán tiếp cho Bên A 70% số tiền còn lại tương ứng **2.168.250.000 đồng** (Hai tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) và toàn bộ số thuế GTGT giá trị chuyển quyền sử dụng đất và phần xây dựng hạ tầng theo khoản 1 mục 1.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

**Đợt 3:** Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng này bên B thanh toán cho bên A toàn bộ số tiền xây thô theo tiến độ thi công công trình, hoặc khi Bên A có văn bản Thông báo cho Bên B, trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Thông báo (theo dấu bưu điện), Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền tại khoản 1 mục 1.2 Điều 3 của Hợp đồng này và tiền thuế GTGT tương ứng. Số tiền xây thô chưa bao gồm thuế GTGT tạm tính là: **1.085.000.000 đồng** (Một tỷ, tám mươi lăm triệu đồng chẵn)

Đồng thời Bên B nộp cho Bên A các khoản phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi Bên A nhận được tiền, Bên A và Bên B sẽ tiến hành nghiệm thu và bàn giao công trình.

### **2. Hình thức và đồng tiền thanh toán:**

- Đồng tiền thanh toán là VNĐ;
- Hình thức thanh toán: Bên B chuyển khoản qua ngân hàng theo địa chỉ và số tài khoản bên A chỉ định tại Hợp đồng này hoặc tiền mặt trực tiếp tại địa chỉ trụ sở bên A.

### **3. Chậm trễ trong việc thanh toán:**

3.1. Nếu Bên B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản thanh toán nào theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng này thì Bên A sẽ gửi cho Bên B qua đường bưu điện một